

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ ÔN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 19-4-2023
V/v ly hôn, tranh chấp việc nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Điều

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Lê Thị Trúc Linh

2/ Bà Trần Thị Kim Đồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Ánh Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 19 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 442/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp việc nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị Ngọc H**, sinh năm 1996. “Đề nghị xét xử vắng mặt”

Địa chỉ: Ấp L, xã C, huyện Ô, tỉnh Vĩnh Long.

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Thanh N**, sinh năm 1997. “Vắng mặt”

Địa chỉ: Ấp L, xã C, huyện Ô, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 15/9/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị Ngọc H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Giữa nguyên đơn Phạm Thị Ngọc H và bị đơn anh Nguyễn Thanh N thành hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Trà Côn, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 29/8/2019. Thời gian chung sống vợ chồng hạnh phúc đến tháng 12 năm 2020 phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, anh N không lo làm ăn lo cho vợ, con; thường xuyên uống rượu bạo

lực gia đình, hiện vợ chồng không chung sống với nhau. Chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu Tòa án giải quyết chị xin ly hôn với anh N.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Thanh T, sinh ngày 27/9/2019 hiện đang sống với anh N. Chị H đồng ý giao anh N tiếp tục nuôi con, chị không cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ tới lui thăm con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án có thông báo cho anh N biết về việc chị H khởi kiện đồng thời triệu tập các đương sự đến Tòa án hòa giải nhằm giúp đỡ vợ chồng đoàn tụ nhưng phía anh N không trình bày ý kiến về việc chị H khởi kiện và không đến Tòa hòa giải với chị H nên Tòa án không tiến hành hòa giải được giữa chị H, anh N, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp: Căn cứ đơn khởi kiện của chị Phạm Thị Ngọc H yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long giải quyết ly hôn, nuôi con chung với anh Nguyễn Thanh N, cư trú tại Ấp L, xã C, huyện Ô, tỉnh Vĩnh Long. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án có quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp việc nuôi con” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

Tại phiên Tòa, nguyên đơn Phạm Thị Ngọc H vắng mặt nhưng chị H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; bị đơn Nguyễn Thanh N vắng mặt không lý do. Căn cứ khoản 1, 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo luật định.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Phạm Thị Ngọc H và anh Nguyễn Thanh N thành hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Trà Côn, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 29/8/2019 nên xem quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh N là hợp pháp.

Thời gian chung sống vợ chồng hạnh phúc đến tháng 12 năm 2020 phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, hiện vợ chồng không chung sống với nhau. Chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu Tòa án giải quyết chị xin ly hôn với

anh N . Phía anh N không có ý kiến bằng văn bản về việc chị H xin ly hôn và không đến Tòa án hòa giải, tham gia phiên tòa với chị H. Điều này, chứng tỏ rằng tình cảm giữa chị H, anh N mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu của chị H, xử cho chị H, anh N ly hôn là phù hợp Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung:

Anh, chị có 01 con chung Nguyễn Thanh T, sinh ngày 27/9/2019 hiện đang sống với anh N. Xét từ lúc vợ chồng không chung sống, con chung anh N trực tiếp nuôi dưỡng, chị H thống nhất để con chung cho anh N nuôi dưỡng, Hội đồng xét xử giao cháu T cho anh N tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp các điều 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con, anh N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên miễn xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phạm Thị Ngọc H là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc chị H chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1, 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Ngọc H, xử cho chị Phạm Thị Ngọc H ly hôn anh Nguyễn Thanh N.

2. Về con chung: Tiếp tục giao con chung Nguyễn Thanh T, sinh ngày 27/9/2019 cho anh Nguyễn Thanh N trực tiếp nuôi dưỡng, chị Phạm Thị Ngọc H không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai có quyền cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Phạm Thị Ngọc H nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn, khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) chị H đã nộp theo biên lai thu số 0014886 ngày 20/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn, chị H nộp đủ.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Trà Ôn;
- THADS huyện Trà Ôn;
- Các đương sự;
- UBND xã Trà Côn
(Giấy CNKH số 82 ngày 29/8/2019);
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Văn Điều